

Số: 1378/TB-SHTT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

## THÔNG BÁO

### Về việc thống nhất áp dụng Bảng phân loại Ni-xơ phiên bản 10

Để thực hiện quy định tại mục 37.4.e của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 /9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, sau khi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố trên trang thông tin điện tử [www.wipo.int](http://www.wipo.int) để áp dụng từ ngày 01/01/2012, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo về việc áp dụng Bảng phân loại Ni-xơ 10 để phân loại hàng hóa/dịch vụ trong đăng ký nhãn hiệu ở Việt Nam như sau:

1. Thống nhất áp dụng Bảng phân loại Ni-xơ phiên bản 10 **bản tiếng Anh** do WIPO công bố từ ngày 01/01/2012 để xác định Danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu trong Tờ khai đăng ký nhãn hiệu nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ đối với thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và các thủ tục khác liên quan đến quyền đã được xác lập.
2. Bản tiếng Anh Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 được công bố kèm theo Thông báo này để áp dụng bao gồm:
  - a. Hướng dẫn đối với người sử dụng (Guidance for the user);
  - b. Những lưu ý chung (General Remarks);
  - c. Bảng Danh mục các nhóm hàng hóa/dịch vụ (Class headings and List of classes, with explanatory notes);
  - d. Bảng Danh mục hàng hóa/dịch vụ theo vần chữ cái của mỗi nhóm (Alphabetical list of goods in class order).
3. Thông báo này được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp và trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ ([www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)). Bản tiếng Anh Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 có thể tham khảo tại trang tin điện tử của WIPO ([www.wipo.int](http://www.wipo.int)) và sẽ được đăng kèm theo Thông báo này trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ ([www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)).
4. Để phục vụ việc đăng ký nhãn hiệu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ dịch và công bố **bản tiếng Việt** Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10.
5. Đối với các đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp từ ngày 01/01/2012 đến khi bản tiếng Việt của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 được công

bổ chính thức, người nộp đơn thực hiện việc phân loại hàng hóa/dịch vụ trong tờ khai đăng ký nhãn hiệu của mình theo bản tiếng Anh của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 **hoặc** theo bản tiếng Việt của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 9 đã được công bố tại *Thông báo số 4902/TT-SHTT ngày 09/8/2011 về việc thống nhất áp dụng bản dịch tiếng Việt Bảng phân loại Ni-xơ phiên bản 9 đã được chỉnh lý*. Trong trường hợp người nộp đơn phân loại hàng hóa/dịch vụ theo bản tiếng Việt của Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 9, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thực hiện việc phân loại lại theo Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 trong quá trình xử lý đơn và người nộp đơn không phải nộp phí phân loại lại, trừ các trường hợp sau:

- a. Việc phân loại của người nộp đơn theo bản tiếng Việt Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 9 không chính xác; hoặc
- b. Việc phân loại lại theo Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 làm thay đổi tổng số nhóm hàng hóa/dịch vụ so với việc phân loại của người nộp đơn theo bản tiếng Việt Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 9. Người nộp đơn không phải nộp phí phân loại lại nhưng phí và lệ phí nộp đơn đăng ký nhãn hiệu trong trường hợp này được xác định lại phù hợp với *Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 04/02/2009 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp*.

6. Một số nội dung trong bảng tiếng Việt Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 9 được chỉnh lý như sau:

<b>Mã/nhóm</b>	<b>Tiếng Anh</b>	<b>Tiếng Việt đã công bố</b>	<b>Được chỉnh lý thành</b>
370052/37	Factory Construction	Xí nghiệp xây dựng	<b><i>Xây dựng nhà máy, xí nghiệp</i></b>
350085/35	Procurement service for others [purchasing goods and services for other businesses]	Dịch vụ lựa chọn cho người khác hàng hóa để mua và nơi cung cấp dịch vụ cho mục đích kinh doanh	<b><i>Dịch vụ mua sắm cho người khác (mua hàng hóa và dịch vụ cho người khác)</i></b>
210115/21	Toilet Cases	Đồ dùng trong nhà vệ sinh	<b><i>Hộp đựng đồ trang điểm</i></b>
200098/20	Meerschaum	Tẩu thuốc bằng đất sét trắng	<b><i>Đá bọt</i></b>
050298/05	Foods for babies	Thực phẩm cho trẻ sơ sinh	<b><i>Thực phẩm cho em bé</i></b>

Trong quá trình áp Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10 nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời cho Cục Sở hữu trí tuệ để xem xét, giải quyết.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
(đã ký)**

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Thanh tra Bộ;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Sở KH&CN;
- Các Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN;
- Các đơn vị trong Cục (để thực hiện);
- Lưu: VT, TT.

**Trần Hữu Nam**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)